TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171 /2024/QĐST - HNGĐ	*Ba Tri, ngày 02 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 513/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

2. Anh Lê Văn C, sinh năm 1987

3. Chị Trần Huỳnh N, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2017, ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1.Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 02/4/2013 (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu Bảo T). Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: chị T và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung:

+ Đối với số tiền nợ ông Võ Văn T 293.113.500đ (hai trăm chín mươi ba triệu một trăm mười ba ngàn năm trăm đồng). Do ông T, chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Anh T có nghĩa vụ trả cho anh C, chị N toàn bộ số tiền nợ là 37.839.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), chị T nhận nộp toàn bộ án phí. Số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000116 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị Trúc được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ do hòa giải thành được giảm 50% là: 37.839.000 đồng x 2,5% = 945.975đ (chín trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng). Anh T đồng ý nộp toàn bộ án phí, nên anh T phải có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 945.975đ (chín trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả lại cho anh Lê Văn C, chị Trần Huỳnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 946.000đ (chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001241 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A, huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm